

Số: 27 /2022/QĐ-UBND

Hậu Giang, ngày 22 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và mức hỗ trợ giá vé cho người sử dụng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2022 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

Căn cứ Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hỗ trợ lãi suất đối với tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để các tổ chức, cá nhân thực hiện các dự án đầu tư phương tiện mới, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và mức hỗ trợ giá vé cho người sử dụng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2022 - 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân thực hiện các dự án đầu tư phương tiện mới, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang trong giai đoạn năm 2022 - 2025 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất, mức hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ lãi suất tiền vay cho việc đầu tư phương tiện mới, kết cấu hạ tầng trong phạm vi số vốn vay tại thời điểm xét hỗ trợ lãi suất, trong hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất được quy định cụ thể tại khoản 2 Điều này.

b) Nguyên tắc hỗ trợ lãi suất tiền vay cho chủ đầu tư theo quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 3 thực hiện Thông tư số 02/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hỗ trợ lãi suất đối với tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

2. Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất, mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ lãi suất đối với các dự án đầu tư phương tiện, kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

a) Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: không quá 50% tổng mức đầu tư của dự án và không quá 50 tỷ đồng.

b) Mức hỗ trợ lãi suất: tối đa 50% lãi suất cho vay và không quá 5%/năm mức lãi suất theo hợp đồng ký kết giữa chủ dự án và tổ chức tín dụng.

c) Thời gian hỗ trợ lãi suất: tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với tổ chức tín dụng. Thời gian hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 07 năm đối với dự án đầu tư kết cấu hạ tầng và không quá 03 năm đối với dự án mua sắm phương tiện xe buýt mới.

Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất, mức hỗ trợ lãi suất, thời gian hỗ trợ lãi suất được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với từng dự án cụ thể.

3. Trường hợp các khoản vay (gồm cả gốc và lãi) bị quá hạn trả nợ hoặc chưa được gia hạn nợ thì không được hỗ trợ lãi suất đối với khoảng thời gian vay bị quá hạn trả nợ hoặc được gia hạn nợ. Trường hợp chủ dự án đã thanh toán nợ quá hạn và trả nợ đúng hạn từ kỳ trả nợ tiếp theo thì chủ dự án tiếp tục được hưởng hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Quyết định này.

Điều 4. Điều kiện hỗ trợ lãi suất vay vốn

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 02/2016/TT-BTC, cụ thể như sau:

1. Có dự án đầu tư phương tiện, dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.
2. Có vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án quy định tại khoản 1 Điều này và sử dụng vốn vay đúng mục đích.
3. Đảm bảo các quy định hiện hành trong kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

Điều 5. Hồ sơ, trình tự thủ tục hỗ trợ lãi suất vay vốn

Thực hiện theo Điều 7, Điều 8 Thông tư số 02/2016/TT-BTC.

Điều 6. Mức hỗ trợ giá vé cho người sử dụng xe buýt

1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các đối tượng chính sách khi đi xe buýt
 - a) Đối tượng 1 (gồm trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật nặng và người khuyết tật đặc biệt nặng): Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí cho đối tượng này (theo mức giá vé tháng/tuyến).

Doanh nghiệp, hợp tác xã phát hành thẻ ưu tiên cho đối tượng 1. Căn cứ vào hồ sơ và số lượng thẻ ưu tiên, Sở Tài chính hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã thủ tục thanh toán kinh phí hỗ trợ.

- b) Đối tượng 2 (gồm người có công với cách mạng, người cao tuổi, học sinh, sinh viên là công dân Việt Nam): Ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% thông qua vé tháng/tuyến.

Doanh nghiệp, hợp tác xã phát hành vé tháng ưu tiên cho đối tượng 2. Giá vé tháng do doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký nhưng tính quy đổi ra giá cước một lượt đi tối đa bằng 70% giá vé lượt.

2. Kinh phí hỗ trợ các đối tượng chính sách sử dụng xe buýt được bố trí trong dự toán hàng năm từ ngân sách tỉnh, thanh toán thực hiện theo mức quy đổi mỗi quý 1 lần chậm nhất vào ngày 15 quý tiếp theo.

3. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Giao thông vận tải giám sát, kiểm tra việc thanh toán qua vé ưu tiên.

4. Hồ sơ thẻ ưu tiên gồm

- a) Chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy Khai sinh (bản sao có chứng thực).

b) Xác nhận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú (thường trú hoặc tạm trú đối với đối tượng 1, đối tượng 2). Riêng đối với học sinh, sinh viên là công dân Việt Nam đang học các trường trên địa bàn tỉnh có xác nhận của trường học nơi học sinh, sinh viên đang học.

Điều 7. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Giao thông vận tải

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này; chủ trì tham gia ý kiến và hướng dẫn các nhà đầu tư khi được yêu cầu; đề xuất giải quyết những vấn đề phát sinh cần xử lý.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp danh mục dự án được hỗ trợ lãi suất vay vốn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Chủ trì thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất, xác định phần dư nợ vay của chủ dự án sử dụng đúng mục đích đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí hỗ trợ lãi suất có hiệu quả, đúng mục đích.

d) Hàng năm, trước ngày 15/7, tổng hợp nhu cầu kinh phí gồm: hỗ trợ lãi suất đối với các tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và hỗ trợ giá vé cho người sử dụng theo Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg, gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí trong dự toán chi ngân sách năm tiếp theo.

2. Sở Tài chính

Hàng năm, căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương, chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các cơ quan liên quan tổng hợp dự toán kinh phí ngân sách hỗ trợ lãi vay để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và mức hỗ trợ giá vé cho người sử dụng trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

3. Kho bạc Nhà nước Hậu Giang có trách nhiệm chuyển tiền hỗ trợ đúng, đầy đủ, kịp thời cho chủ dự án.

4. Tổ chức tín dụng

a) Xác nhận Bảng kê dư nợ vay, lãi vay hoặc các giấy tờ tương đương để làm cơ sở xác định chủ dự án có vay vốn tại tổ chức tín dụng, phần dư nợ vay của chủ dự án tại tổ chức tín dụng trong hạn và đã được chủ dự án sử dụng đúng mục đích để thực hiện dự án đầu tư phương tiện, kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

b) Chịu trách nhiệm giám sát và theo dõi việc sử dụng vốn vay của chủ dự án; Thông báo ngay cho Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước Hậu Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh khi phát hiện chủ dự án sử dụng vốn vay sai mục đích.

5. Nhà đầu tư thực hiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt phải có trách nhiệm cung ứng dịch vụ công ích theo đúng cam kết về số lượng, chất lượng và bán đúng giá vé đã đăng ký được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, nếu vi phạm sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật.

6. Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp với các sở quản lý chuyên ngành tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án đầu tư phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

Điều 8. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2022.

Điều 9. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc: Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Hậu Giang; các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (HN - TP.HCM);
- Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy và các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- Như Điều 9;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NCTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hòa